Phi lao

Tên khác: Dương liễu
Tên khoa học: *Casuarina equisetifolia* L.
Họ Phi lao: Casuarinaceae

Hình thái:

Cây gỗ lớn, chiều cao đến 20m, vỏ thân màu nâu. Trên cành phân thành nhiều đốt, có các lá nhỏ dạng vảy mọc vòng quanh mỗi đốt, gồm 6-7 vảy màu xanh. Hoa đơn tính cùng gốc, đôi khi khác gốc; hoa không có cánh. Hoa đực mọc thành cụm hình đuôi sóc ở đầu cành, chỉ có 1 nhị màu đỏ; cụm hoa cái có hình trụ ngắn, mỗi hoa cái nằm trong 2 lá bắc. Quả kép hình trụ (hình chùy), dài 3cm, gồm nhiều quả nhỏ có cánh. Mùa hoa, quả: từ tháng 6-10.

Sinh thái:

Loài cây ưa sáng, chịu khô hạn, thích hợp trên đất cát ven biển, nhưng cây vẫn mọc tốt trên đất đồi núi. Đặc biệt hệ rễ có nhiều nốt sần chứa vi khuẩn cố định đạm, giúp cây sinh trưởng tốt trên đất cát nghèo dinh dưỡng.

Phân bố:

- Thế giới: nguồn gốc từ Châu Úc và các đảo Thái Bình dương;
- Việt Nam: loài cây du nhập, trồng phổ biến dọc theo khu vực ven biển;
- Khánh Hòa: trồng nhiều ở các khu vực ven biển.

Tình trạng bảo tồn: được trồng khắp nơi trong tỉnh.

Công dụng:

Phi lao là cây đa tác dụng. Gỗ rất cứng, chắc, dùng đóng thuyền, làm cột điện, cột nhà, trụ mỏ, mộc dân dụng; cành nhánh và lá khô rụng dùng làm chất đốt. Vỏ cây có nhiều tannin dùng để nhuộm. Thường được trồng để chống cát bay ở ven biển, hoặc làm hàng cây cảnh quan, hoặc tạo thành cây bonsai.

Thành phần: vỏ cây chứa nhiều tanin, chất màu casnarin và polyphenol,...

Theo YHCT: dùng để chữa bệnh tiêu chảy, kiết lỵ, đau răng, bệnh ngoài da,...

HỘI BẢO VỆ THIÊN NHIÊN & MT. KHÁNH HÒA

HÌNH ẢNH



Hình 1: Phi lao (*Casuarina equisetifolia*)



Hình 2: Phi lao - Cành mang hoa (màu nâu đỏ)



Hình 3: Phi lao - Trái